



**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PORTSERCO**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Portserco công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

**Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần PORTSERCO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng (đơn vị trực thuộc Cảng Đà Nẵng, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) theo Quyết định số 3086/2002/QĐ-BGTVT ngày 26/9/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400438101 ngày 26/12/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã 5 lần điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/08/2009), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

**Công ty có 5 đơn vị hạch toán phụ thuộc:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
• Trạm Kinh doanh thương mại	Số 4 Bạch Đằng, Thành phố Đà Nẵng
• Xưởng Cơ khí – Công trình	Số 4 Bạch Đằng, Thành phố Đà Nẵng
• Trạm Dịch vụ Hàng hải	Số 1 Yết Kiêu, Thành phố Đà Nẵng
• Trạm Kinh doanh Vận tải	Lô B1-13 KCN DV Thủy sản Thọ Quang, TP. Đà Nẵng
• Cửa hàng miễn thuế	Số 1 Yết Kiêu, Thành phố Đà Nẵng.

**Vốn điều lệ:** 12.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là 30%.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 1, Tòa nhà số 24 Phan Bội Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : (84) 0511 3886305
- Fax : (84) 0511 3863736

**Ngành nghề kinh doanh chính**

- Kinh doanh vận tải đa phương thức, sửa chữa cơ khí phương tiện cơ giới thủy bộ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, cửa hàng miễn thuế;
- Đại lý xăng dầu, kinh doanh vật tư, nhiên liệu, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ hàng hải;
- Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng đến nhóm C;
- Đại lý đối ngoại tệ; Cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp hàng;
- Chế biến và kinh doanh hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu (tại Khu công nghiệp thủy sản Thọ Quang);
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)****Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 101 người. Trong đó nhân viên gián tiếp là 18 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

**Hội đồng quản trị**

- |                        |                   |                              |
|------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Xuân Dũng | Chủ tịch HĐQT     | Tái bổ nhiệm ngày 19/03/2009 |
| • Ông Nguyễn Lê Minh   | Phó chủ tịch HĐQT | Tái bổ nhiệm ngày 19/03/2009 |
| • Ông Trần Viết Hoè    | Ủy viên           | Tái bổ nhiệm ngày 07/03/2009 |
| • Bà Dương Thị Huê     | Ủy viên           | Tái bổ nhiệm ngày 07/03/2009 |
| • Ông Lê Văn Xuân      | Ủy viên           | Tái bổ nhiệm ngày 07/03/2009 |

**Ban kiểm soát**

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Tôn Thị Kim Tuyền | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 26/03/2009 |
| • Bà Âu Thị Mai Hoa    | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 07/03/2009 |
| • Ông Lê Nam Hùng      | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 07/03/2009 |

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                      |                |                              |
|----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Lê Minh | Giám đốc       | Tái bổ nhiệm ngày 19/03/2009 |
| • Ông Trần Viết Hoè  | Phó Giám đốc   | Tái bổ nhiệm ngày 19/03/2009 |
| • Ông Lê Nam Hùng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 26/12/2010     |
| • Bà Dương Thị Huê   | Kế toán trưởng | Tái bổ nhiệm ngày 19/03/2009 |

**Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Lê Minh

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2011



**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính  
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 132/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Portserco**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10/02/2011 của Công ty Cổ phần Portserco (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 24. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

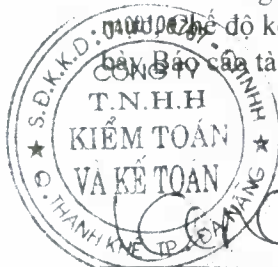
Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Khắc Minh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

**Nguyễn Thị Quỳnh Hương**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 1321/KTV

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày..... 28 -02- 2011

Số..... 1164..... Quyển số..... 1.....

**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG THUẬN PHƯỚC**



**Phạm Văn Dũng**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.994.972.086</b>	<b>17.834.130.987</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>727.678.500</b>	<b>2.398.270.396</b>
1. Tiền	111		727.678.500	335.160.665
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.063.109.731
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.811.299.344</b>	<b>12.208.696.509</b>
1. Phải thu khách hàng	131		11.045.407.781	11.302.417.784
2. Trả trước cho người bán	132		582.214.222	419.979.156
3. Các khoản phải thu khác	135	6	183.677.341	486.299.569
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.509.712.126</b>	<b>1.763.255.252</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	1.509.712.126	1.763.255.252
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>946.282.116</b>	<b>1.463.908.830</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	138.090.741	90.935.433
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	759.084.933
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	808.191.375	613.888.464
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.808.603.833</b>	<b>38.453.485.632</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.384.835.251</b>	<b>34.296.297.316</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	20.124.588.173	10.476.833.033
- Nguyên giá	222		29.410.002.683	18.225.355.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.285.414.510)	(7.748.521.971)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	11.450.826.518	14.256.128.790
- Nguyên giá	228		11.450.826.518	14.256.128.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.809.420.560	9.563.335.493
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>2.866.000.000</b>	<b>2.866.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.800.000.000	2.800.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		66.000.000	66.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.557.768.582</b>	<b>1.291.188.316</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.328.946.694	1.021.982.835
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	228.821.888	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	269.205.481
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>52.803.575.919</b>	<b>56.287.616.619</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

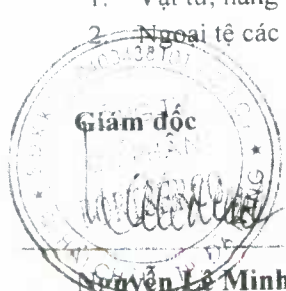
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.728.648.125</b>	<b>28.079.159.259</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.118.002.653</b>	<b>18.839.198.313</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	9.039.279.860	6.898.102.795
2. Phải trả người bán	312		6.830.480.266	7.227.377.075
3. Người mua trả tiền trước	313		1.000.441.800	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1.624.810.317	2.786.872.229
5. Phải trả người lao động	315		30.430.568	599.039.911
6. Chi phí phải trả	316	18	18.352.520	211.774.362
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	550.585.901	241.763.207
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.621.421	874.268.734
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.610.645.472</b>	<b>9.239.960.946</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	246.394.870	96.394.870
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	6.760.988.129	8.680.701.272
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	396.741.261	462.864.804
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		206.521.212	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.074.927.794</b>	<b>28.208.457.360</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>26.074.927.794</b>	<b>28.208.457.360</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	23	1.633.524.798	1.633.524.798
3. Cổ phiếu quỹ	414	23	(211.100.000)	(211.100.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		100.398	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	11.800.000.000	11.800.000.000
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	189.306.206	341.222.751
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	663.096.392	2.644.809.811
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>52.803.575.919</b>	<b>56.287.616.619</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
----------	------------	------------

- |   |        |   |
|---|--------|---|
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ủy thác | -      | - |
| 2. Ngoại tệ các loại (USD)                    | 101,31 | - |



Nguyễn Lê Minh

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2011

**CHUNG THỰC**  
**ĐẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Ngày..... 28-02-2011.....  
 Số..... 167..... Quyền số..... 1.....  
**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG THUẬN PHƯỚC**



Phạm Văn Dũng

Dương Thị Huệ